

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2018.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 733/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 007 ấp T, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh K, sinh năm: 1978. Là bị đơn;

Địa chỉ: số 234/27/9 Đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M có đơn xin vắng mặt; ông K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 và Bản tự khai ngày 30/11/2017, nguyên đơn là bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương).

Vợ chồng bà sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau khi có con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Vợ chồng bà đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Anh K.

- Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 13/9/2014. Hiện nay bà đang nuôi con và bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn là ông Nguyễn Anh K: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm, ông K đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có mặt, không thông báo lý do cho Tòa án và không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Anh K đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong các phiên họp hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Anh K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/01/2014 tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo bà Tuyết M trình bày thì vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau khi có con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống và khó khăn về kinh tế gia đình. Nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông K nhiều lần để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng và tạo điều kiện cho ông có biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông K không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.]

[- Về con chung: Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Anh K có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 13/9/2014. Hiện nay trẻ Gia H đang sống chung với Bà M và Bà M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết M là phù hợp.]

[- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Tuyết M tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.]

[3. Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết M về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Anh K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Anh K chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Anh K không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 13/9/2014 cho đến khi thành niên.

Ghi nhận Bà M không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với Bà M. Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Ông Nguyễn Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Phạm Thị Tuyết M tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028275 ngày 26/10/2017 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Phạm Thị Tuyết M đã nộp xong tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSPA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

